

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Đồng Nai, Tháng 4 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cà phê An Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn An	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Hạnh	Ủy viên
Ông Lê Văn Kế	Ủy viên
Ông Đoàn Thanh Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Khôi	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Kế	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Kế
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2012



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số. 2797 /2012/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Cà phê An Giang

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cà phê An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Công ty Cổ phần Cà phê An Giang (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 06 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ những hạn chế trong phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để đảm bảo tính hợp lý của các số liệu tại báo cáo tài chính nêu trên, theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 cũng như là những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.
- Công ty chưa phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng có gốc bằng Việt Nam Đồng (VND) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và đầy đủ của số dư “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.



Thành viên hãng AGN International / Member Firm of AGN International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty chưa thực hiện ghi nhận các khoản lãi vay quá hạn, lãi phạt do vay ngân hàng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc không hạch toán khoản lãi vay quá hạn, lãi phạt nêu trên và những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của hạn chế trong phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 104.193.153.181 VND (31 tháng 12 năm 2010: tài sản ngắn hạn lớn hơn nợ ngắn hạn 32.482.752.861 VND); lỗ phát sinh trong năm là 144.714.611.814 VND (năm 2010 lãi 19.019.603.123 VND), vốn chủ sở hữu bị âm 53.194.161.997 VND và luồng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề không chắc chắn nêu trên.



Trương Đức Hoàn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0749/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Ngày 20 tháng 4 năm 2012

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		344.082.732.618	526.450.213.848
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		444.508.962	35.153.397.121
1 Tiền	111	V.1	444.508.962	455.397.121
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	34.698.000.000
II Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.744.248.392	320.755.449.867
1 Phải thu khách hàng	131		316.812.887.635	318.605.642.027
2 Trả trước cho người bán	132		28.000.000	1.541.378.745
3 Các khoản phải thu khác	135	V.2	-	608.429.095
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(26.096.639.243)	-
III Hàng tồn kho	140		52.437.232.827	169.319.758.896
1 Hàng tồn kho	141	V.3	52.437.232.827	169.319.758.896
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV Tài sản ngắn hạn khác	150		456.742.437	1.221.607.964
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	507.242.467
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.404.350	934.356
3 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	453.338.087	713.431.141
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		52.084.111.644	65.250.104.099
I Tài sản cố định	220		52.079.111.644	64.718.911.381
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	50.148.460.063	62.788.259.800
- Nguyên giá	222		88.888.203.263	94.963.961.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.739.743.200)	(32.175.701.748)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	-
- Nguyên giá	228		35.158.260	35.158.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.158.260)	(35.158.260)
3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.930.651.581	1.930.651.581
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000	5.000.000
1 Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000	5.000.000
II Tài sản dài hạn khác	260		-	526.192.718
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		-	526.192.718
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		396.166.844.262	591.700.317.947

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

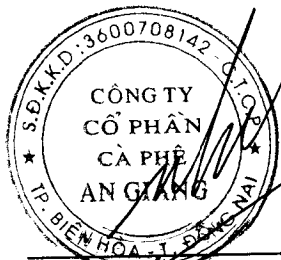
MẪU SỐ B01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		449.361.006.259	493.967.460.987
I. Nợ ngắn hạn	310		448.802.187.259	493.967.460.987
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	384.829.285.013	404.587.906.204
2 Phải trả người bán	312		2.571.811.153	47.625.463.572
3 Người mua trả tiền trước	313		18.476.695.303	36.699.484.903
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	4.466.875.013	3.549.269.991
5 Phải trả người lao động	315		182.365.546	174.624.458
6 Chi phí phải trả	316	V.9	36.256.852.377	-
7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	1.974.136.049	1.286.545.054
8 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		44.166.805	44.166.805
II Nợ dài hạn	330		558.819.000	-
1 Phải trả dài hạn khác	333		558.819.000	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	V.11	(53.194.161.997)	97.732.856.960
I Vốn chủ sở hữu	410		(53.194.161.997)	97.732.856.960
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.000.000.000	83.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		14.756.470.000	14.756.470.000
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6.762.897.242)	(550.490.099)
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(144.187.734.755)	526.877.059
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		396.166.844.262	591.700.317.947

CHỈ TIÊU

- Tài sản thuê ngoài
- Ngoại tệ các loại (USD)

Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
	-	229.084.000.000
	737,62	1.028



Lê Văn Kế
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2012

(Signature)
Nguyễn Đình Khôi
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	168.943.293.686	1.082.377.328.033
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	3		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		168.943.293.686	1.082.377.328.033
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	220.242.890.459	1.011.038.291.470
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(51.299.596.773)	71.339.036.563
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	920.797.339	13.107.421.288
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	53.600.310.521	48.697.573.490
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.715.726.856	39.691.651.786
8 Chi phí bán hàng	24		7.992.372.043	8.366.330.308
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.945.618.688	8.794.959.249
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(145.917.100.686)	18.587.594.804
11 Thu nhập khác	31	VI.5	4.483.719.681	1.653.687.138
12 Chi phí khác	32	VI.6	3.281.230.809	1.221.678.819
13 Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40		1.202.488.872	432.008.319
14 Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế (50=30+40)	50		(144.714.611.814)	19.019.603.123
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	175.625.686
16 Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế (60=50-51-52)	60		(144.714.611.814)	18.843.977.437
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(17.435)	2.270



Lê Văn Kế
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Đình Khôi
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B03-DN
 Đơn vị: VND

I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh

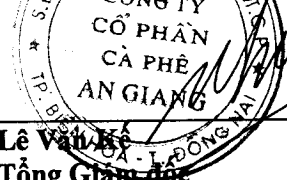
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(144.714.611.814)	19.019.603.123
2. Điều chỉnh cho các khoản		87.360.726.513	49.389.307.613
Khấu hao tài sản cố định	02	10.043.310.299	10.597.843.207
Các khoản dự phòng	03	26.096.639.243	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	63.490.105
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.494.949.885)	(963.677.485)
Chi phí lãi vay	06	52.715.726.856	39.691.651.786
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(57.353.885.301)	68.408.910.736
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	4.172.185.292	(27.959.745.663)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	116.882.526.069	47.833.365.016
- Tăng (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNND phải nộp)	11	(62.050.501.113)	(321.784.913)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	12	(1.033.435.185)	1.463.140.202
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.458.874.479)	(39.691.651.786)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.639.528.718	10.532.747.232
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(627.500.798)	(5.436.699.423)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.829.956.797)	54.828.281.401


II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác	21	(305.000.000)	(2.641.682.428)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.453.181.819	848.484.849
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	100.034.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	322.453.875	631.151.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.470.635.694	98.871.953.950

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	178.133.310.407	1.026.983.257.990
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(202.484.164.668)	(1.148.373.879.546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.350.854.261)	(121.390.621.556)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(34.710.175.364)	32.309.613.795
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.153.397.121	3.387.715.539
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.287.205	(543.932.213)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	444.508.962	35.153.397.121


 Lê Văn Kế
 Tổng Giám đốc


 Nguyễn Đình Khôi
 Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG

Đường số 4 - Khu Công nghiệp Tam Phước
Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê An Giang (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Cà phê An Giang theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3600708142 ngày 03 tháng 1 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 31 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tổng vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 83.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại: Khu Công nghiệp Tam Phước - Đường 4 - Xã Tam Phước - Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cà phê An Giang tại Buôn Ma Thuột đặt tại số 112 đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Thăng Lợi - Buôn Ma Thuột - Tỉnh Dak Lak - Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 25 nhân viên (tại 31/12/2010: 41 nhân viên).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh Doanh số 3600708142 thay đổi lần 2 ngày 03 tháng 1 năm 2008 thì ngành nghề kinh doanh và hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu cà phê; sản phẩm nhựa, sản phẩm từ gỗ;
- Mua bán, chế biến nông sản, hàng lương thực, thực phẩm (không chế biến tại trụ sở chính);
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa đường thủy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán, xuất khẩu cà phê.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập trên giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 104.193.153.181 VND (31 tháng 12 năm 2010: tài sản ngắn hạn lớn hơn nợ ngắn hạn 32.482.752.861 VND); lỗ phát sinh trong năm là 144.714.611.814 VND (năm 2010 lãi 19.019.603.123 VND); Vốn chủ sở hữu bị âm 53.194.161.997 VND và luồng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có thể thu được trong tương lai, việc tiếp tục nhận được các đơn hàng và sự hỗ trợ tài chính của Công ty mẹ và các Cổ đông. Các cổ đông và Công ty mẹ đã cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính cho đến khi Công ty có thể tạo ra được nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ khi đáo hạn. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề không chắc chắn nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15 tháng 2 năm 2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 6.762.897.242 VND (năm 2010 giảm 550.490.099 VND) và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG

Đường số 4 - Khu Công nghiệp Tam Phước

Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	88.539.130	83.294.478
Tiền gửi ngân hàng	355.969.832	372.102.643
Tổng cộng	444.508.962	455.397.121

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về thực hiện dự án UTZ	-	604.050.925
Phải thu khác	-	4.378.170
Tổng cộng	-	608.429.095

3. Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên vật liệu	-	1.835.444.286
Công cụ, dụng cụ	25.225.000	25.225.000
Thành phẩm	-	73.804.509.351
Hàng hóa	-	82.838.376.155
Hàng gửi đi bán	52.412.007.827	10.816.204.104
Tổng cộng	52.437.232.827	169.319.758.896
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	52.437.232.827	169.319.758.896

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	453.338.087	713.431.141
Tổng cộng	453.338.087	713.431.141

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG

Đường số 4 - Khu Công nghiệp Tam Phước

Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	41.035.622.411	41.902.844.888	11.157.127.511	868.366.738	94.963.961.548
Tăng trong năm	-	-	305.000.000	-	305.000.000
Tăng khác	-	-	-	33.172.744	33.172.744
Thanh lý, nhượng bán	-	2.957.888.926	3.422.869.359	-	6.380.758.285
Giảm khác	-	33.172.744	-	-	33.172.744
Tại ngày 31/12/2011	41.035.622.411	38.911.783.218	8.039.258.152	901.539.482	88.888.203.263
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	6.029.902.905	21.770.474.253	3.575.908.460	799.416.130	32.175.701.748
Khấu hao trong năm	2.750.787.300	5.982.471.532	1.220.237.640	89.813.757	10.043.310.229
Thanh lý, nhượng bán	-	1.975.466.492	1.503.802.285	-	3.479.268.777
Tại ngày 31/12/2011	8.780.690.205	25.777.479.293	3.292.343.815	889.229.887	38.739.743.200
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	35.005.719.506	20.132.370.635	7.581.219.051	68.950.608	62.788.259.800
Tại ngày 31/12/2011	32.254.932.206	13.134.303.925	4.746.914.337	12.309.595	50.148.460.063

Trong đó:

- Nguyên giá Tài sản cố định đang dùng nhưng đã hết khấu hao là 332.780.938 VND;
- Nguyên giá Tài sản cố định mang đi cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng TMCP An Bình Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu là 24.851.357.481 VND.

6. Tài sản cố định vô hình

	Biểu tượng công ty VND	Website VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	24.081.000	11.077.260	35.158.260
Tại ngày 31/12/2011	24.081.000	11.077.260	35.158.260
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	24.081.000	11.077.260	35.158.260
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	24.081.000	11.077.260	35.158.260
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Vay và nợ ngắn hạn

Nội dung	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	284.829.285.013	300.196.200.183
- Vay NHTMCP An Bình - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	118.251.247.161	112.909.109.044
- Vay NHTMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Tp HCM (ii)	93.980.000.000	95.000.000.000
- Vay NHTMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đồng Nai (iii)	72.598.037.852	92.287.091.139
Vay ngắn hạn cá nhân	-	4.391.706.021
Trái phiếu chuyển đổi (iv)	100.000.000.000	100.000.000.000
Tổng cộng	384.829.285.013	404.587.906.204

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP An Bình Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 3839/11/HM/IV ngày 10 tháng 03 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 5,700,000 USD nhằm mục đích thu mua cà phê. Lãi suất và thời hạn vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là Tổng kho An Giang với giá trị là 24.851.357.481 VND.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/PL-HDĐT ký ngày 30 tháng 06 năm 2010 với hạn mức 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn) nhằm mục đích thu mua cà phê. Lãi suất và thời hạn vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là hàng tồn kho luân chuyển và 07 xe ô tô đầu kéo trị giá 3.095.000.000 VND.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 35/05/HDHM/TCB-ĐN ký ngày 03 tháng 01 năm 2008 với hạn mức 300.000.000.000đ (Ba trăm tỷ đồng chẵn) nhằm mục đích thu mua cà phê. Lãi suất và thời hạn vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là hàng tồn kho luân chuyển.
- (iv) Ngày 13/10/2010 Công ty phát hành 1.000.000 (một triệu) trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá một trái phiếu là 100.000 VND. Tỷ lệ chuyển đổi là 1:6 (nhà đầu tư sở hữu 1 trái phiếu sẽ chuyển đổi thành 6 cổ phiếu) và được điều chỉnh theo quy định của điều khoản chống pha loãng. Tại thời điểm chuyển đổi nếu Trái chủ quyết định chuyển đổi thì trái tức là 0%/năm cho các trái phiếu chuyển đổi, trường hợp Trái chủ không chuyển đổi thì trái tức cho những trái phiếu không thực hiện chuyển đổi là 10%/năm, thanh toán khi trái phiếu đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG

Đường số 4 - Khu Công nghiệp Tam Phước

Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.328.529.757	3.424.275.391
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	124.925.426	124.925.426
Thuế Thu nhập cá nhân	13.419.830	69.174
Tổng cộng	4.466.875.013	3.549.269.991

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	36.256.852.377	-
Tổng cộng	36.256.852.377	-

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	75.006.487	73.290.969
Bảo hiểm y tế	-	17.361.867
Các khoản phải trả khác	1.899.129.562	1.195.892.218
Tổng cộng	1.974.136.049	1.286.545.054

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG

Đường số 4 - Khu Công nghiệp Tam Phước

Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Vốn chủ sở hữu****a, Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2010	83.000.000.000	14.756.470.000	293.515.697	(18.317.100.378)	79.732.885.319
Lãi trong năm trước	-	-	-	18.843.977.437	18.843.977.437
Giảm khác	-	-	(844.005.796)	-	(844.005.796)
Tại ngày 31/12/2010	83.000.000.000	14.756.470.000	(550.490.099)	526.877.059	97.732.856.960
Lãi trong năm	-	-	-	(144.714.611.814)	(144.714.611.814)
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	(6.212.407.143)	-	(6.212.407.143)
Tại ngày 31/12/2011	83.000.000.000	14.756.470.000	(6.762.897.242)	(144.187.734.755)	(53.194.161.997)

Theo Nghị quyết số 296/AGC ngày 29/6/2011, đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 83 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện:

- Đợt 1: Phát hành 4.150.000 Cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, bán bằng mệnh giá. Thời gian thực hiện từ sau khi đại hội cổ đông thường niên 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- Đợt 2: Phát hành 2.550.000 Cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu hoặc các đối tác chiến lược, không bán thấp hơn mệnh giá. Thời gian thực hiện từ sau khi đại hội cổ đông thường niên 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

b, Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông

	Theo GCN ĐKKD		Vốn đã góp	
	VND	%	01/01/2011 VND	31/12/2011 VND
Công ty CP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	42.330.000.000	51,0%	42.330.000.000	43.492.500.000
Ông Nguyễn Văn An	7.470.000.000	9,0%	7.470.000.000	-
Ông Lê Văn Kế	1.660.000.000	2,0%	1.660.000.000	130.000.000
Các cổ đông khác	31.540.000.000	38,0%	31.540.000.000	39.377.500.000
Tổng cộng	83.000.000.000	100%	83.000.000.000	83.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã đăng ký phát hành	8.300.000	8.300.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	8.300.000	8.300.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	8.300.000	8.300.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	168.943.293.686	1.073.644.910.552
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	8.732.417.481
Tổng cộng	<u>168.943.293.686</u>	<u>1.082.377.328.033</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng hóa	220.242.890.459	607.386.106.960
Giá vốn thành phẩm đã bán	-	399.549.668.713
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	4.102.515.797
Tổng cộng	<u>220.242.890.459</u>	<u>1.011.038.291.470</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG

Đường số 4 - Khu Công nghiệp Tam Phước

Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	322.543.875	614.547.520
Lãi bán hàng trả chậm	-	7.954.976.792
Chênh lệch tỷ giá	598.253.464	2.707.700.121
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.830.196.855
Tổng cộng	920.797.339	13.107.421.288

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	52.715.726.856	39.691.651.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá	884.583.665	7.617.388.504
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.388.533.200
Tổng cộng	53.600.310.521	48.697.573.490

5. Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	4.453.181.819	848.484.849
Thu nhập khác	30.537.862	805.202.289
Tổng cộng	4.483.719.681	1.653.687.138

6. Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	2.979.730.809	515.958.893
Chi phí khác	301.500.000	705.719.926
Tổng cộng	3.281.230.809	1.221.678.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(144.714.611.814)	19.019.603.123
Các khoản giảm trừ	-	18.317.100.378
Kết chuyển lỗ của năm 2008	-	18.317.100.378
Lợi nhuận kế toán tính thuế	(144.714.611.814)	702.502.745
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	-	175.625.686

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(144.714.611.814)	18.843.977.437
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(144.714.611.814)	18.843.977.437
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.300.000	8.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(17.435)	2.270

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a, Giao dịch với các Bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	Công ty mẹ	28.182.000.000	484.657.150.409
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị	Cùng tập đoàn	11.332.000	400.970.800
Công ty CP CP Thái Hòa Lâm Đồng	Cùng tập đoàn	20.300.000	113.351.615.013
Công ty CP Thái Hòa Buôn Ma Thuột	Chi nhánh	39.033.957.500	107.248.463
Công ty CP TM Cà phê Thái Hòa	Cùng tập đoàn	-	12.369.101.859
Mua hàng			
Công ty Cổ phần tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	Công ty mẹ	59.168.705.000	481.559.848.550
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Sơn La	Cùng tập đoàn	-	68.932.500.000
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Mường Ảng	Cùng tập đoàn	-	72.527.700.000
Công ty CP Thái Hòa Buôn Ma thuật	Cùng tập đoàn	-	18.831.847.245
Công ty CP TM Cà phê Thái Hòa	Cùng tập đoàn	-	8.236.483.243

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG

Đường số 4 - Khu Công nghiệp Tam Phước

Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****b, Số dư với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	Công ty mẹ	174.319.218.293	167.999.616.955
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng	Cùng tập đoàn	6.212.814.785	6.185.779.785
Công ty CP Thái Hòa Buôn Ma Thuột	Chi nhánh	64.789.322.479	72.009.449.341
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị	Cùng tập đoàn	850.401.951	850.401.951
Công ty CP TM Cà phê Thái Hòa	Cùng tập đoàn	-	2.265.405.664

2. Công nợ tiềm tàng

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty đã tuân thủ theo các quy định hiện hành về thuế và hầu hết các khoản chi phí được ghi nhận đều là các chi phí hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, dự phòng thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản nghĩa vụ phát sinh về các loại thuế khác được xác định là không trọng yếu. Tuy nhiên, dựa trên kết quả kiểm tra của cơ quan thuế, việc phát sinh thêm các khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế phải nộp khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là vẫn có thể xảy ra.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại để phục vụ cho mục đích so sánh, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Theo BCKT năm 2010	Số đầu năm được trình bày lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh	300				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế (i)	01		18.843.977.437	19.019.603.123	175.625.686
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước					
3. thay đổi vốn lưu động (i)	08		68.233.285.050	68.408.910.736	175.625.686
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (i)	16		(5.261.073.737)	(5.436.699.423)	(175.625.686)

(i) Trình bày lại do năm 2010 cộng trừ sai số học.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG

Đường số 4 - Khu Công nghiệp Tam Phước

Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

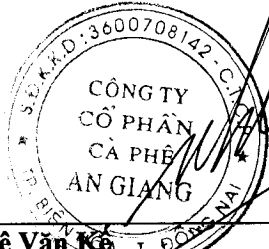
MẪU 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh, phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và tin tưởng việc điều chỉnh, phân loại lại đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp điều chỉnh, phân loại lại sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.



Lê Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Đình Khôi
Kê toán trưởng



